

**ID VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT**

**K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam**

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK14+P9+TD2	7:25	4+0+16	0+0+0		0+6+15	0+0+0	
2		CLO+TD1	7:25	11+11	0+0		5+17	0+0	
3		RP2+CLO	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
4		P11+TD1	9:25	2+19	0+0		0+22	0+0	

**TTBDSX**



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK14 - P9 - TD2	CREW: VIỆT - SON - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4438	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM HAI LONG	BK14	47	1	15			77	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI ĐĂNG	BK14	41-42	2	20	3	38	83	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT HUNG	BK14	43-44	2	20			64	DVL	Vietnamese
4	TẠ HỮU THẮNG	BK14	45	1	10	1	13	67	DVL	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC PHONG	TD2	31	1	13			73	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI XUAN NGOC	TD2	32-33	2	15	1	14	63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH HA*	TD2	94	1	16	1	11	59	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN PHI HUNG	TD2	81-82	2	13			63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN DIỄN	TD2	30	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM QUANG CHUNG	TD2	26	1	10	1	12	52	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ CÔNG THƯỜNG	TD2	85-86	2	17			79	XAYLAP	Vietnamese
12	TRỊNH ĐÌNH THANH	TD2	83	1	14	1	10	54	XAYLAP	Vietnamese
13	CAO VĂN HUYỀN	TD2	299	1	10			79	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN PHÚ*	TD2	28-29	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TIỀN TÀI	TD2	22-23	2	10			74	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÌNH THANH BÌNH	TD2	21	1	8			73	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG XUÂN VĂN	TD2	392,694	2	9			82	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG ANH TUẤN	TD2	96,98	2	14	1	8	60	XAYLAP	Vietnamese
19	VÔ HOANG TIỀN	TD2	24	1	10	1	20	77	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC NGÂN	TD2	87-88	2	15			53	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	4	291	6	65	4	51	0		
2	P9	0	0	0	0	0	0	6		
3	TD2	16	1.082	24	205	6	75	15		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.373</b>	<b>30</b>	<b>270</b>	<b>10</b>	<b>126</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.373</b>		<b>270</b>		<b>126</b>			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SON

2 pax mang Sae du phang



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: CLO - TD1	CREW: LINH - N.CUONG - HIEU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4440	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN QUANG HIEN	CLO	37	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
2	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	69-70	2	10			78	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN TRUNG	CLO						82	KHOAN	Vietnamese
4	VU THE NANG	CLO	99	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN BAC	CLO	72	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN LONG	CLO	98	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG NHAT	CLO	74	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DINH HAI	CLO	36	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
9	DO HUY BINH	CLO	77	1	5	1	20	78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NHU DUNG	CLO	73	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG SON	CLO	19-20,86	3	16			59	KHOAN	Vietnamese
12	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1						115	KHOAN	Russian
13	NGUYEN NHU BANG	TD1	59	1	3			58	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MINH SON	TD1	56	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
15	DINH XUAN HOA	TD1	63	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN HOAN	TD1	60	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
17	VU DUC TOAN	TD1						77	KHOAN	Vietnamese
18	HOA XUAN LUAN	TD1	62	1	6	5	85	67	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN MINH HOANG	TD1	58	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
20	TRINH CAO TRONG	TD1	57	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
21	LE BA CHIEN	TD1	61	1	10			79	KHOAN	Vietnamese
22	MARTYNOV MAKSIM	TD1	55	1	7			112	ANTOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	11	760	13	62	1	20	5		
2	TD1	11	873	9	58	5	85	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.633</b>	<b>22</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.633</b>		<b>120</b>		<b>105</b>			

**GRAND TOAL: 1.858 KGS**

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

NGO VAN LINH   
 PHAN NHU CUONG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:RP2 - CLO	CREW: QVIỆT - SON - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4439	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN CHINH	RP2	30	1	10	1	14	73	MERMAID	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG PHUC	RP2	33-34	2	22			88	MERMAID	Vietnamese
3	PHAM VAN HUY	RP2	32	1	4			78	MERMAID	Vietnamese
4	NGUYEN PHU VINH	CLO	74	1	7			56	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH NGOC GIANG	CLO	76	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN THE NHU	CLO	90	1	9			64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN LAP QUOC	CLO	72	1	3			58	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM ĐỨC MINH	CLO	73	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN KHANH	CLO	79	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM CONG CHUNG	CLO	89-90	2	18			87	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN QUYNH	CLO	70	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG TRUNG THONG	CLO	71	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
13	VU MINH HIEU	CLO	80	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH CUONG	CLO	77	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG THANH MINH	CLO	91-93	3	15			75	KHOAN	Vietnamese
16	HO NGOC BEN	CLO	75	1	14			73	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VAN HIEU	CLO	78	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN QUANG VU	CLO	82	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TRUNG	CLO	84-85	2	18			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA HUNG	CLO						80	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN HAM HA	CLO	81	1	4	3	54	65	DVL	Vietnamese
22	ĐO THANH HAI	CLO	83	1	8			67	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	3	239	4	36	1	14	0		
2	CLO	19	1.393	22	158	3	54	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.632</b>	<b>26</b>	<b>194</b>	<b>4</b>	<b>68</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.632</b>		<b>194</b>		<b>68</b>			

GRAND TOAL: 1,894 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P11 - TD1	CREW: LINH - N.CƯƠNG - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4441	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	SAMSONOV ALEKSEI	P11	53-54	2	17			78	KIM THIET	Russian
2	NGUYEN TAN DAT	P11	55	1	8			79	NAM TIEN	Vietnamese
3	NGUYEN HONG HAI	TD1	12-13	2	11			63	YTE	Vietnamese
4	PHAM TIEN NINH	TD1	20	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN PHONG	TD1	09	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH HUY TOAN	TD1	06	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VAN LUAN	TD1	02	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM QUANG ANH	TD1	19	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN THANH TUAT	TD1	14	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	18	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
11	NINH DUC THUAT	TD1	03	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
12	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	16	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
13	DO QUANG LUC	TD1	10	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN MANH TIET	TD1	11	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
15	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	01	1	9			81	KHOAN	Russian
16	PHAM VAN HIEU	TD1	07-08	2	10			75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEN	TD1	17	1	7			77	DVL	Vietnamese
18	PHAN THANH TAI	TD1	21-22	2	14			52	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN MINH BANG	TD1	15	1	6			83	PSV	Vietnamese
20	PHAM THE THUAN	TD1	04	1	3			71	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH CONG	TD1	05	1	4			69	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	2	157	3	25	0	0	0		
2	TD1	19	1.322	22	117	0	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.479</b>	<b>25</b>	<b>142</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.479</b>		<b>142</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH   
PHAN NHƯ CƯƠNG